

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA
TRƯỜNG TIỂU HỌC TRẦN QUỐC TOẢN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm: 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: TRƯỜNG TIỂU HỌC TRẦN QUỐC TOẢN

2. Địa chỉ:

Địa chỉ: Tổ 5, P. Nghĩa Trung, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông; Email: tranquoctoan.gianghia@gmail.com

Cổng thông tin điện tử: <https://c1tranquoctoan.pgdgianghia.edu.vn/>

3. Loại hình cơ sở giáo dục:

Loại hình: Trường công lập.

Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND thành phố Gia Nghĩa; Tên nhà đầu tư thành lập: UBND thành phố Gia Nghĩa.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục:

Xây dựng trường TH Trần Quốc Toản trở thành đơn vị tiên tiến xuất sắc. Tập trung nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đặc biệt chú trọng nâng cao chất lượng học sinh mũi nhọn và tỷ lệ tuyển sinh vào lớp 1; Coi trọng giáo dục truyền thống, nhân cách và kỹ năng sống, tăng cường nề nếp, kỷ cương, ý thức, trách nhiệm của công dân đối với xã hội, cộng đồng học sinh; Nâng cao lý tưởng, tinh thần trách nhiệm và năng lực nghề nghiệp của đội ngũ theo yêu cầu chuẩn nghề nghiệp; Đẩy mạnh phong trào thi đua “dạy tốt, học tốt”.

Xây dựng trường học hạnh phúc. Mỗi học sinh, khi đến trường, đều tìm thấy niềm vui mỗi ngày, đều có cơ hội phát triển tối đa năng lực của mình.

Nhà trường luôn quan tâm đến công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh.

Xây dựng môi trường học tập thân thiện, lành mạnh, tích cực, an toàn với cơ sở vật chất, cảnh quan xanh sạch đẹp, tổ chức nhiều hoạt động giáo dục, VH- TT, sinh hoạt tập thể vui tươi, lành mạnh, tạo không khí đoàn kết, thân ái, thi đua học tập. Huy động thêm nhiều sự tham gia, quan tâm hợp tác, cộng đồng trách nhiệm của các Đoàn thể, CMHS và toàn xã hội đối với nhà trường.

Đánh giá học sinh đảm bảo khách quan, công bằng, đánh giá đúng năng lực và sự tiến bộ của học sinh. Xây dựng ngân hàng đề kiểm tra cả chương trình, hợp lý giữa hình thức trắc nghiệm và tự luận. Giáo viên khi chấm kiểm tra phải có lời nhận xét động viên, theo dõi sự cố gắng tiến bộ của học sinh. Hướng dẫn học sinh đánh giá lẫn

nhau và biết tự đánh giá năng lực của mình. Công tác tổ chức triển khai kiểm tra đánh giá sâu sát, thực chất và đổi mới. Khi thực hiện luôn chủ động điều chỉnh kế hoạch kịp thời sát với thực tế. Được sự tin tưởng cao của cán bộ, giáo viên, công nhân viên và cha mẹ học sinh nhà trường.

5. Quá trình hình thành và phát triển:

Trường trường Tiểu học Trần Quốc Toàn được thành lập theo Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2006 của Chủ tịch UBND thị xã Gia Nghĩa trên cơ sở tách ra từ Trường TH Nguyễn Viết Xuân.

Hàng năm, nhà trường ban hành kế hoạch tự đánh giá chất lượng giáo dục và ban hành Quyết định thành lập tự đánh giá chất lượng giáo dục theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường Chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học;

Năm học 2024-2025 nhà trường có 20 cán bộ, giáo viên, nhân viên. Đội ngũ cán bộ - giáo viên - nhân viên nhiệt tình, có tinh thần đoàn kết và trách nhiệm cao với mọi công việc được giao, năng lực chuyên môn vững, tận tụy, hết lòng vì học sinh, yên tâm với nghề và thực sự yêu nghề, mến trẻ. Đây là yếu tố quan trọng để nâng cao chất lượng giáo dục.

Lượng học sinh đến trường tăng dần hàng năm. Tính đến đầu năm học 2024-2025, trường có 11 lớp với 358 học sinh.

6. Thông tin người đại diện pháp luật:

Họ tên: Nguyễn Văn Hương

Chức vụ: Hiệu trưởng;

Địa chỉ nơi làm việc: Tổ 5, Phường Nghĩa Trung, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

Điện thoại:

Thư điện tử: nguyenhuong.gianghia@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

a) Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn được thành lập theo Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2006 của Chủ tịch UBND thị xã Gia Nghĩa trên cơ sở tách ra từ Trường TH Nguyễn Viết Xuân.

b) Quyết định công nhận Hội đồng trường: Quyết định số 162/QĐ-PGDĐT ngày 19 tháng 12 năm 2017 về việc thành lập Hội đồng trường Tiểu học Trần Quốc Toàn.

c) Quyết định thành lập Hội đồng trường: Quyết định số 1329/QĐ-TQT ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc thành lập Hội đồng trường Tiểu học Trần Quốc Toàn nhiệm kỳ 2022-2027.

TT	Họ tên	Chức vụ	Chức vụ trong Hội Đồng
1	Nguyễn Văn Hương	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ
2	Nguyễn Thị Hồng Nga	Phó chủ tịch CĐ	Phó chủ tịch HĐ
3	Hoàng Thị Tuyết Minh	Giáo viên TPT Đội	Thành viên
4	Nguyễn Thị Quyên	Bí thư chi đoàn	Thành viên
5	Lê Thị Tuyết Anh	Thư ký hội đồng	Thành viên
6	Nguyễn Thị Thanh Hòa	Tổ trưởng khối 1,2	Thành viên
7	Nguyễn Thị Oanh	Tổ trưởng khối 3,4,5	Thành viên
8	Võ Thị Thanh Duyên	Tổ trưởng văn phòng	Thành viên
9	Ông Võ Hoài Phú	Phó Chủ tịch UBND phường Nghĩa Trung	Thành viên
10	Trưởng Ban đại diện CMHS từ năm học 2022-2023 đến năm 2026-2027	Trưởng ban đại diện CMHS	Thành viên

d) Quyết định điều động, bổ nhiệm ban giám hiệu

Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2025 về việc điều động, bổ nhiệm viên chức quản lý của UBND thành phố Gia Nghĩa đối với ông Nguyễn Văn Hương, hiệu trưởng trường trường Tiểu học Trần Quốc Toàn,

e) Quy chế tổ chức và hoạt động.

Trường ban hành Quyết định số 45/QĐ-TQT và Quy chế số 04/QCLV-TQT ngày 20/09/2024 về việc ban hành quy chế làm việc trường Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn.

đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể

Trường trường Tiểu học Trần Quốc Toàn được thành lập theo Quyết định số 342/QĐ-UBND ngày 08 tháng 08 năm 2006 của Chủ tịch UBND thị xã Gia Nghĩa trên

a) Trường trường Tiểu học Trần Quốc Toàn được thành lập theo Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2006 của Chủ tịch UBND thị xã Gia Nghĩa trên cơ sở tách ra từ Trường TH Nguyễn Viết Xuân.

Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục:

Họ tên: Nguyễn Văn Hương, Điện thoại: 0972503689

Chức vụ: Hiệu trưởng, Địa chỉ Email: nguyenvuong.gianghia@gmail.com

Địa chỉ nơi làm việc: Tổ 5, phường Nghĩa Trung, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

Nhiệm vụ, trách nhiệm:

Xây dựng, tổ chức bộ máy nhà trường theo quy định tại Điều 9 Điều lệ trường học; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; tổ chức thành lập hội đồng trường theo quy định tại điểm đ, điểm e khoản 1 Điều 10 Điều lệ trường học;

- Tổ chức xây dựng chiến lược, tầm nhìn, mục tiêu, quy hoạch phát triển nhà trường; quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường; kế hoạch giáo dục hằng năm của nhà trường để trình hội đồng trường phê duyệt và tổ chức thực hiện;

- Thực hiện các quyết định hoặc kết luận của hội đồng trường về những nội dung được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 10 Điều lệ trường học. Trường hợp hiệu trưởng không nhất trí với quyết định của hội đồng trường cần xin ý kiến cơ quan quản lý giáo dục cấp trên trực tiếp của nhà trường. Trong thời gian chờ ý kiến của cơ quan quản lý giáo dục cấp trên trực tiếp, hiệu trưởng vẫn phải thực hiện theo quyết định của hội đồng trường đối với các vấn đề không trái với quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ này;

- Báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường và các quyết định của hội đồng trường trước hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

- Thực hiện tuyển dụng, quản lý giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động, tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỷ luật đối với giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật;

- Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, ký xác nhận hoàn thành chương trình tiểu học cho học sinh tiểu học (nếu có) của trường phổ thông có nhiều cấp học, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông cho học sinh trung học phổ thông (nếu có) và quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

- Quản lý tài chính và tài sản của nhà trường;
- Thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; thực hiện quy chế dân chủ, trách nhiệm giải trình của người đứng đầu cơ sở giáo dục trong tổ chức hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục của nhà trường;
- Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động; thực hiện công khai đối với nhà trường và xã hội theo quy định của pháp luật
- Tham gia sinh hoạt cùng tổ chuyên môn; tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý; được hưởng chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo và các chính sách ưu đãi theo quy định; tham gia dạy học theo quy định về định mức giờ dạy đối với hiệu trưởng;
- Được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục: Quy chế được ban hành theo Quyết định số 43/QĐQCDC-TQT ngày 16/09/2024 về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ cơ sở trong hoạt động của trường Tiểu học Trần Quốc Toàn .

Quy chế văn hoá công sở của cơ sở giáo dục: Quy chế được ban hành theo Quyết định số 44/QĐ-TQT ngày 18/09/2024 về việc ban hành Quy chế thực hiện văn hoá công sở trong hoạt động của trường Tiểu học Trần Quốc Toàn.

Kế hoạch số 16/KH-TQT ngày 17 tháng 09 về Kế hoạch kiểm tra nội bộ trường học 2024-2025.

Kế hoạch số 13/KH-TQT ngày 15/08/2024 về Kế hoạch Cơ sở vật chất năm học 2024-2025.

Kế hoạch số 05/KH-TQT ngày 06/09/2024 về Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025.

Các nghị quyết của hội đồng trường; Nghị quyết phối hợp giữa nhà trường và Công đoàn.

Quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính;

Quy chế chi tiêu nội bộ;

Quy chế sử dụng và quản lý tài sản công;

Quy chế phối hợp giữa nhà trường và công đoàn.

Quy chế ứng xử

Quy chế tiếp công dân

Quy chế làm việc

Quy chế dân chủ ở cơ sở

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

a. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo: 20 người

Trình độ CM	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Đảng viên			CBQL	Giáo viên			Nhân viên		
				Tổng số	Nữ	dân tộc		Tổng số	Biên chế	Hợp đồng	Tổng số	Biên chế	Hợp đồng
ĐH	18	15	0	16	13	0	1	16	16		1	1	
CD	0							0	0				
TC	1	1	0	1	1			0	0		1	1	
Trình độ khác	1										1		1
Tổng	20	16	0	17	14	0	1	16	16		3	2	1

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định 17/17 đc(100%)

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định: đạt 100% đội ngũ.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định: Diện tích trường hiện nay là 8.725m²; Diện tích xây dựng: 1500 m²; Diện tích sân chơi, bãi tập: 1600m²; Bình quân: 24,57m² /HS. Đảm bảo yêu cầu tối thiểu theo quy định

2. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

TT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	1phòng/1 lớp	1,2m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	18 lớp	-
2	Phòng học bán kiên cố	3 lớp	-
3	Phòng học tạm	0	-

4	Phòng học nhò, mượn	0	-
III	Số điểm trường lẻ	0	-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	8.725 m ²	24,57 m ² /học sinh
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1600 m ²	5,50 m ² /học sinh
VI	Tổng diện tích các phòng	1500 m ²	
1	Diện tích phòng học (m ²)		
2	Diện tích thư viện (m ²)	33 m ²	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	0	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	33 m ²	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	33 m ²	
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	45 m ²	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	33 m ²	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	0	
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	33 m ²	
10	Diện tích phòng hành chính quản trị	99 m ²	

3. Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định:

TT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 1	2	Chưa đầy đủ theo bộ
1.2	Khối lớp 2	2	Chưa đầy đủ theo bộ
1.3	Khối lớp 3	0	
1.4	Khối lớp 4	0	
1.5	Khối lớp 5	0	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1	2	1bộ/ 01 lớp
2.2	Khối lớp 2	2	
2.3	Khối lớp 3	3	
2.4	Khối lớp 4	2	
2.5	Khối lớp 5	2	
3	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	14 bộ	25,3 học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	12 cái	
2	Cát xét	1	

3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	02	
5	Thiết bị khác...		

Nhà trường có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường. Hiện tại, trường có 03 máy tính cho bộ phận hành chính, 14 máy tính học sinh. Tất cả máy tính được kết nối Internet đảm bảo nhu cầu phục vụ công tác quản lý và phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập. Nhà trường chưa đảm bảo các loại thiết bị giáo dục theo danh mục tối thiểu do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Mỗi giáo viên có một bộ thiết bị cần thiết trong quá trình giảng dạy, một bộ sách giáo khoa, tài liệu hướng dẫn giảng dạy và các tài liệu cần thiết khác. Mỗi học sinh có ít nhất một bộ sách giáo khoa, các đồ dùng học tập.

4. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Danh mục sách giáo khoa thực hiện theo danh mục đã được cấp thẩm quyền phê duyệt theo quyết định số 559/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt sách giáo khoa lớp 5, lớp 9 và lớp 12 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông năm học 2024 - 2025 được công khai trên trang Website của đơn vị.

IV. THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

- Kết quả tự đánh giá chất lượng của cơ sở giáo dục được thực hiện và công khai trên bảng tin đơn vị, kết quả năm học 2024-2025 trường tự đánh giá đạt Kiểm định chất lượng cấp độ 2 và đạt chuẩn quốc gia mức độ 1. Kế hoạch cải tiến chất lượng đã được thể hiện rõ trong kế hoạch và phân đấu đạt được các chỉ tiêu trong thời gian tới.

- Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia Trong 5 năm gần đây, nhà trường thực hiện đánh giá ngoài về kiểm định chất lượng giáo dục Đạt mức 2 kiểm định chất lượng và đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 1 theo quyết định số 255/QĐ-UBND ngày 25/1/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc cấp Bằng công nhận trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1 cho trường TH Trần Quốc Toản.

V. THÔNG TIN VỀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA NĂM HỌC.

1. Kế hoạch tuyển sinh:

a. Đối tượng:

- Huy động 100% trẻ 6 tuổi (sinh năm 2018) đang cư trú trên địa bàn thuộc địa bàn tuyển sinh đã được UBND thành phố phân tuyến tuyển sinh năm học 2024–2025.

b.Chỉ tiêu tuyển sinh

- Chỉ tiêu 70 học sinh

c. Thời gian tuyển sinh

- Từ ngày 01/ 7/ 2024 đến ngày 15/7/2024 nhà trường tiếp nhận hồ sơ (trừ ngày thứ bảy và chủ nhật).

- Ngày 31/7/2024: Công bố kết quả tuyển sinh.

d. Địa bàn tuyển sinh:

- Trẻ đang cư trú trên địa bàn tuyển sinh theo vùng tuyển sinh sau:

- Địa bàn tuyển sinh: Trường tiểu học Trần Quốc Toàn tiến hành tuyển sinh trên địa Tô dân phố 5, 6 phường Nghĩa Trung và một phần thôn Nghĩa Thuận, xã Đắc Nía (từ cây xăng Duy Hùng trở về phía phường Nghĩa Trung)

e. Kết quả tuyển sinh:

Kết quả tuyển sinh: 71 em

2. Kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục.

- Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn đã ban hành kế hoạch giáo dục số 24/KH-TQT ngày 30/9/2024, đã công khai trên hệ thống thông tin của đơn vị.

- Chỉ tiêu chất lượng năm học 2024 – 2025;

+ Học sinh:

- 100% học sinh hoàn thành chương trình tiểu học.

- 99% trở lên học sinh hoàn thành chương trình lớp học;

- 100% học sinh được bồi dưỡng và đánh giá đúng về từng năng lực phẩm chất (từ mức đạt trở lên).

- Tham gia các cuộc thi do các cấp tổ chức đạt kết quả cao.

+ Đội ngũ:

- 100% chấp hành tốt các quy định của pháp luật

- 100% đội ngũ được đánh giá chuẩn nghề nghiệp đạt mức khá trở lên

- 100 % đánh giá viên chức xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Không vi phạm đạo đức nhà giáo.

3. Kết quả chất lượng giáo dục

3.1. Thành tích đội ngũ giáo viên:

- Giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp tỉnh: 01 đc

- Giáo viên dạy giỏi cấp thành phố: 02 đc (2 giải C)

- Giáo viên Tổng phụ trách đội giỏi: 01 đc (01 giải ba)

- Giáo viên hướng dẫn học sinh đạt giải sáng tạo TTNND: 2 đc (02 giải khuyến khích)

- 05 sáng kiến đề nghị cấp thành phố công nhận.

- Đánh giá viên chức: 80% đội ngũ Hoàn thành tốt nhiệm vụ, 20% đội ngũ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Có 19 đồng chí chiếm 100 % đội ngũ được công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến, tập thể được đề nghị công nhận Tập thể Lao động tiên tiến.

3.2. Chất lượng giáo dục học sinh:

- Tổng số học sinh: 355 em

- Tổng số học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học đạt 100%

- Tổng số học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 99%

- Tham gia đầy đủ các cuộc thi và có thành tích cao;

- * Cấp Quốc gia: Cuộc thi Tiếng Việt, Toán TV, Lịch sử; Toán Tiếng Anh; giải Toán tiếng Anh, Toán TV cấp Quốc Gia: 3 em giải khuyến khích

- + Tham gia IOE trên mạng Internet: cấp trường 89 em tham gia; cấp thành phố: 59 em; cấp tỉnh có 59 em tham gia(trong đó có 2 giải nhì, 3 giải ba, 2 KK); cấp Quốc gia có 4 em tham gia (trong đó có 4 em được vinh danh).

- + Tham gia cuộc thi Sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng cấp thành phố: có 2/ 1 sản phẩm đạt giải (01 giải KK).

- + Tham gia cuộc thi Hùng biện tiếng Anh cấp thành phố: KK

- + Giao lưu Toán – Tiếng Việt tuổi thơ thành phố: 3 HCB; 4HCD

- + 01 học sinh được tham dự Đại hội cháu ngoan Bác Hồ toàn quốc.

- 100% học sinh có ý thức đạo đức tốt, ngoan, lễ phép và đoàn kết, không có học sinh vi phạm đạo đức.

3.3. Kết quả hoạt động của tổ chức Đảng, đoàn thể nhà trường.

- Kết quả đánh giá chi bộ năm 2024 Hoàn thành tốt nhiệm vụ, chi bộ 4 tốt.

- Công đoàn năm học 2024- 2025 đề nghị xếp loại Hoàn thành tốt nhiệm vụ

- Chi đoàn năm 2024 đánh giá Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ

- Liên đội hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ

3.4. Kết quả khen thưởng trong năm học 2024 - 2025.

- Tổng số đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên: 20 đ/c. Cụ thể như sau:

- + BGH: 01đ/c

- + GV tiểu học: 16 đ/c (1 hợp đồng theo ND111)

- + Nhân viên: 03 (Hợp đồng 01 bảo vệ)

- Các hình thức khen thưởng cấp cơ sở:

- + 19 đồng chí đề nghị danh hiệu Lao động tiên tiến.

- + 07 đ/c đề nghị Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở,

- Tập thể đề nghị: Tập thể Lao động tiên tiến.

4. Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc giáo dục học sinh.

- Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc giáo dục học sinh Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn đã ban hành theo quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 04/9/2024 của UBND phường Nghĩa Trung, đã công khai trên hệ thống thông tin của đơn vị.

5. Các chương trình hoạt động, hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt tại cơ sở giáo dục đơn vị đã ban hành các chương trình, kế hoạch hoạt động trong năm học 2024-2025.

- Các hoạt động ngoại khóa, ngoài giờ lên lớp.
- Hoạt động công tác Đội

5. Thực đơn hàng ngày của học sinh ăn bán trú.

Đơn vị đã công khai rõ thực đơn trên bảng tin nhà trường và tại bếp ăn hàng ngày của học sinh theo quy định.

VI. THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ GIÁO DỤC THỰC TẾ CỦA NĂM HỌC TRƯỚC.

1. Sĩ số học sinh toàn trường cuối năm học:

- Số học sinh tuyển vào lớp 1 năm học 2024-2025: 71 em
- Số học sinh toàn trường năm học 2024-2025:

STT	Nội dung	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Chia ra theo khối lớp				
					Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
1	Tổng số học sinh	355	170	43	71	81	76	72	55
2	Số lớp	11	170	43	2	2	3	2	2
3	Số học sinh bình quân/ lớp	32,2/ lớp			35,5	40,5	25,3	36	27,5
4	Số học sinh học 2 buổi/ngày	355	170	43	71	81	76	72	55

2. Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm học 2024 – 2025

	Sĩ số	Lớp 1			Lớp 2			Lớp 3			Lớp 4			Lớp 5		
		Trong tổng số			Trong tổng số			Trong tổng số			Trong tổng số			Trong tổng số		
		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc

Kết quả học tập																
1. Tiếng Việt	355	38	6	3	43	13	7	33	10	3	37	12	5	25	5	2
Hoàn thành tốt		3`	3	2	37	8	5	31	8	2	35	11	4	23	4	1
Hoàn thành		5	3	1	6	5	2	2	2	1	2	1	1	2	1	1
Chưa hoàn thành		2														
2. Toán	335	38	6	3	43	13	7	33	10	3	37	12	5	25	5	2
Hoàn thành tốt		35	5	3	41	12	6	30	7	2	34	11	4	24	4	1
Hoàn thành		2	1	0	2	1	1	3	3	1	3	1	1	1	1	1
Chưa hoàn thành		1														
3. Đạo đức	355	38	6	3	43	13	7	33	10	3	37	12	5	25	5	2
Hoàn thành tốt		31	3	2	38	8	5	25	5	1	33	9	4	24	3	1
Hoàn thành		6	3	1	5	5	2	8	5	2	4	3	1	1	2	1
Chưa hoàn thành		1														
4. Tự nhiên và Xã hội	228	38	6	3	43	13	7	33	10	3						
Hoàn thành tốt		31	2	2	37	7	6	25	4	1						
Hoàn thành		6	4	1	6	1	1	8	6	2						
Chưa hoàn thành		1														
5. Khoa học	127										37	12	5	25	5	2
Hoàn thành tốt											37	11	5	24	4	1
Hoàn thành												1		1	1	1
Chưa hoàn thành																
6. LS&ĐL	127										37	12	5	25	5	2
Hoàn thành tốt											33	10	4	23	3	1
Hoàn thành											4	2	1	2	2	1
Chưa hoàn thành																
7. Nghệ thuật (Âm nhạc)	355	38	6	3	43	13	7	33	10	3	37	12	5	25	5	2
Hoàn thành tốt		27	2	2	33	4	3	26	4	2	32	10	4	22	3	1
Hoàn thành		10	4	1	10	9	4	7	6	1	5	2	1	3	2	1
Chưa hoàn thành		1														
8. Nghệ thuật (Mỹ thuật)	355	38	6	3	43	13	7	33	10	3	37	12	5	25	5	2
Hoàn thành tốt		32	3	3	39	7	6	29	5	1	35	9	4	23	1	1
Hoàn thành		5	3		4	6	1	4	5	2	2	3	1	2	4	1
Chưa hoàn thành		1														
9. Hoạt động trải nghiệm	355	38	6	3	43	13	7	33	10	3	37	12	5	25	5	2
Hoàn thành tốt		31	4	3	35	6	4	29	7	3	35	10	4	23	3	1
Hoàn thành		6	2		8	7	3	4	3		2	2	1	2	2	1
Chưa hoàn thành		1														
10. Giáo dục thể chất	355	38	6	3	43	13	7	33	10	3	37	12	5	25	5	2
Hoàn thành tốt		34	3	2	36	7	4	27	4	1	33	9	4	23	3	1

Hoàn thành		3	3	1	7	6	3	6	6	2	4	3	1	2	2	1
Chưa hoàn thành		1														
11. TH-CN (Công nghệ)	203							33	10	3	37	12	5	25	5	2
Hoàn thành tốt								28	7	3	35	11	5	24	4	1
Hoàn thành								5	3		2	1		1	1	1
Chưa hoàn thành																
12. TH-CN (Tin học)	203							33	10	3	37	12	5	25	5	2
Hoàn thành tốt								30	8	2	36	10	5	24	4	1
Hoàn thành								3	2	1	1	2		1	1	1
Chưa hoàn thành																
13. Ngoại ngữ	203							33	10	3	37	12	5	25	5	2
Hoàn thành tốt								24	2		33	9	3	22	3	2
Hoàn thành								9	8	3	4	3	2	3	2	1
Chưa hoàn thành																
II. Năng lực cốt lõi																
Năng lực chung																
Tự chủ và tự học	355	38	6	3	43	13	7	33	10	3	37	12	5	25	5	2
Tốt		27	3	2	37	6	5	29	3		33	10	4	23	3	1
Đạt		10	1	1	6	7	2	4	7	3	4	2	1	2	2	1
Cần cố gắng		1														
Giao tiếp và hợp tác	355	38	6	3	43	13	7	33	10	3	37	12	5	25	5	2
Tốt		26	3	2	37	10	6	29	5	2	33	10	4	24	4	2
Đạt		10	3	1	6	3	1	4	5	1	4	21	1	1	12	
Cần cố gắng		2														
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	355	38	6	3	43	13	7	33	13	3	37	12	5	25	5	2
Tốt		26	3	2	32	3	3	26	4	1	33	10	4	22	3	1
Đạt		10	3	1	11	10	4	7	6	2	4	2	1	3	2	1
Cần cố gắng		2														
Năng lực đặc thù																
Ngôn ngữ	355	38	6	3	43	13	7	33	10	3	37	12	5	25	5	2
Tốt		30	3	2	37	8	5	24	4	1	35	10	4	21	3	1
Đạt		7	3	1	6	5	2	9	6	2	2	2	1	4	2	1
Cần cố gắng		1														
Tính toán	355	38	6	3	43	13	7	33	10	3	37	12	5	25	5	2
Tốt		34	5	3	41	12	6	26	4	1	33	11	4	24	4	1
Đạt		3	1		2	1	1	7	6	2	4	1	1	1	1	1
Cần cố gắng		1														
Tin học	203							33	10	3	37	12	5	25	5	2
Tốt								27	5		36	10	5	24	4	1

Đạt								6	5	3	1	2		1	1	1
Cần cố gắng																
Công nghệ	203							33	10	3	37	12	5	25	5	2
Tốt								27	5	1	35	11	5	24	4	1
Đạt								6	5	2	2	1		1	1	1
Cần cố gắng																
Khoa học	355	38	6	3	43	13	7	33	10	3	37	12	5	25	5	2
Tốt		28	3	2	36	7	5	26	3		37	11	5	23	4	1
Đạt		9	3	1	7	6	2	7	7	3		1		2	1	1
Cần cố gắng		1														
Thâm mĩ	355	38	6	3	43	13	7	33	10	3	37	12	5	25	5	2
Tốt		31	4	3	36	6	5	28	4		31	9	4	24	1	
Đạt		6	2		7	7	2	5	6	3	6	3	1	1	4	1
Cần cố gắng		1														
Thể chất	355	38	6	3	43	13	7	33	10	3	37	12	5	25	5	2
Tốt		30	4	2	38	8	5	25	4		33	9	4	23	3	1
Đạt		7	2	1	5	5	2	8	6	3	4	3	1	2	2	1
Cần cố gắng	1															
III. Phẩm chất chủ yếu																
Yêu nước	355	38	6	3	43	13	7	33	10	3	37	12	5	25	5	2
Tốt		37	6	3	43	13	7	33	10	3	37	12	5	24	4	1
Đạt														1	1	1
Cần cố gắng		1														
Nhân ái	355	38	6	3	43	13	7	33	10	3	37	12	5	25	5	2
Tốt		38	6	3	43	13	7	33	10	3	37	12	5	24	4	1
Đạt												3		1	1	1
Cần cố gắng		1														
Chăm chỉ	355	38	6	3	43	13	7	33	10	3	37	12	5	25	5	2
Tốt		28	3	2	38	6	5	27	5	2	33	10	4	23	3	1
Đạt		9	3	1	5	7	2	6	5	1	4	2	1	2	2	1
Cần cố gắng		1														
Trung thực	355	38	6	3	43	13	7	33	10	3	37	12	5	25	5	2
Tốt		35	5	3	38	10	5	30	8	2	37	11	5	23	4	1
Đạt		2	1		5	3	2	10	2	1		1		2	1	1
Cần cố gắng		1														
Trách nhiệm	355	38	6	3	43	13	7	33	10	3	37	12	5	25	5	2
Tốt		27	3	2	37	5	4	27	5	1	36	11	5	23	4	1
Đạt		10	3	1	6	8	3	63	5	2	1	1		2	1	1
Cần cố gắng		1														
IV. Đánh giá KQGD	355	38	6	3	43	13	7	33	10	3	37	12	5	25	5	2

- Hoàn thành xuất		17	1	1	21	1	1	14	1		16	2	1	14	1	1
- Hoàn thành tốt		8	1	1	11	2	2	8			13	6	2	6		
- Hoàn thành		11	4	1	11	10	4	11	9	3	8	4	2	5	4	1
- Chưa hoàn thành		2														
V. HS.K.Tật																
VII. HS bỏ học kỳ II																
+ Hoàn cảnh GĐKK																
+ KK trong học tập																
+ Xa trường, đi lại K.khăn																
+ Thiên tai, dịch bệnh																
+ Nguyên nhân khác																
IX. Chương trình lớp học	355	38	6	3	43	13	7	33	10	3	37	12	5	25	5	2
Hoàn thành	351	36	6	3	43	13	7	33	10	3	37	12	5	25	5	2
Chưa hoàn thành	4	2														

Số học sinh hoàn thành chương trình tiểu học: 55 em (đạt 100%)

VII. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo:

* Kinh phí ngoài ngân sách

a. Thu theo quy định:

- Thu bảo hiểm y tế: Thực hiện theo công văn về việc thực hiện đóng bảo hiểm y tế học sinh (theo văn bản của Bảo hiểm xã hội tỉnh) 63.180 đ/học sinh/ tháng

- Thu tiền quỹ đội: 45.000 đ/ học sinh/ năm (thực hiện theo công văn của tỉnh đoàn Đắk Nông)

b. Dịch vụ phục vụ cho công tác năm học 2024-2025

TT	Nội dung thu	Số tiền thu	Số tiền chi
1	Quỹ tiền ăn bán trú	393.357.000	393.357.000
2	Quỹ bảo mẫu, nấu ăn	105.538.500	105.538.500
3	Đồ dùng bán trú	17.500.000	17.500.000
4	Quỹ thuê người dọn nhà vệ sinh	39.000.000	39.000.000
5	Nguồn hỗ trợ hoạt động giáo dục	10.470.000	10.470.000

6	Quỹ Đội	12.967.000	12.967.000
---	---------	------------	------------

c) Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

1. Ngân sách nhà nước năm 2025: 4.794.855.000 đ

+ Chi lương, phụ cấp và thu nhập: 4.289.000.000

- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ giảng dạy học tập: 336.870.000đ

2. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học: 0

- Trợ cấp học sinh có sổ hộ nghèo, cận nghèo: 0

VIII. CÔNG KHAI LỰA CHỌN SÁCH GIÁO KHOA LỚP 5

Stt	Môn	Tên sách	Tên lô gô bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Ghi chú
1	Tiếng Việt	Tiếng Việt 5	Kết nối tri thức	Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên)	NXBGD Việt Nam	
2	Toán	Toán 5	Kết nối tri thức	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên)	NXBGD Việt Nam	
3	Đạo Đức	Đạo đức 5	Chân trời sáng tạo	Huỳnh Văn Sơn (Tổng Chủ biên),	NXBGD Việt Nam	
4	Khoa học	Khoa học 5	Kết nối tri thức	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ	NXBGD Việt Nam	

				biên)		
5	Lịch sử và Địa lý	Lịch sử và Địa lý 5	Kết nối tri thức	Vũ Minh Giang (Tổng chủ biên Lịch sử) Đoàn Ngọc Hùng (Tổng chủ biên Địa lý)	NXBGD Việt Nam	
6	Công nghệ	Công nghệ 5	Kết nối tri thức	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên)	NXBGD Việt Nam	
7	Mỹ thuật	Mỹ thuật 5	Chân trời sáng tạo Bản 1	Nguyễn Thị Nhung (đồng Chủ biên)	NXBGD Việt Nam	
8	Hoạt động trải nghiệm	Hoạt động trải nghiệm 5	Chân trời sáng tạo Bản 1	Phó Đức Hòa, Vũ Quang Tuyên (đồng Chủ biên)	NXBGD Việt Nam	
9	Tiếng Anh	Tiếng Anh 5 (Global Sucess)	(Global Sucess)	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên)	NXBGD Việt Nam	
10	Tin học	Tin học 5	Kết nối tri thức	Nguyễn Chí Công (Tổng chủ biên)	NXBGD Việt Nam	
11	GDTC	GDTC 5	Chân trời sáng tạo	Phạm Thị Lê Hằng (Chủ biên)	NXBGD Việt Nam	

12	Âm nhạc	Âm nhạc 5	Kết nối tri thức	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng chủ biên)	NXBGD Việt Nam	
----	---------	-----------	------------------	------------------------------------	----------------	--

IX. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Công tác chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học Năm học 2024-2025, Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn căn cứ quyết định số 944/QĐ-UBND ngày 8/8/2024 của UBND tỉnh Đắk Nông, V/v ban hành kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 đối với GD Mầm non, GDPT và GDTX; Căn cứ Hướng dẫn số 520/HD-PGDĐT ngày 08/7/2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo, về việc Hướng dẫn xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục đối với cấp tiểu học; Căn cứ Hướng dẫn số 527/HD-PGDĐT ngày 5/9/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo, về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục Tiểu học, năm học 2024-2025, và cụ thể hóa thành Kế hoạch giáo dục năm học 2024 - 2025, phù hợp với điều kiện thực tế tại nhà trường; Thực hiện hiệu quả công tác đảm bảo an toàn trường học, phòng chống dịch bệnh.

2. Việc thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục

2.1. Đảm bảo việc triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục Triển khai việc thực hiện KHGD, KHDH môn học, KHBD đến toàn thể GV trường; chỉ đạo tổ chuyên môn thực hiện Kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục. 100% tổ chuyên môn xây dựng, triển khai KHGD, KHDH môn học. 100% giáo viên xây dựng kế hoạch dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

* Đối với các lớp từ lớp 1 đến lớp 5

- Tổ chức triển khai Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ GD & ĐT về việc quy định đánh giá, xếp loại học sinh tiểu học;

+ Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Bộ GD & ĐT về việc quy định việc lựa chọn SGK trong cơ sở GDPT;

2.2. Tổ chức dạy học môn Tiếng Anh, Tin học theo Chương trình GDPT 2018.

a) Đối với môn Tiếng Anh

Trường có 02 giáo viên dạy môn Tiếng Anh, trình độ B1 Trường thực hiện dạy Tiếng Anh cho tất cả các lớp học 2 buổi/ ngày (11 lớp từ lớp 1 đến lớp 5).

b) Đối với môn Tin học và việc tổ chức hoạt động giáo dục tin học

- Trường có 01 giáo viên dạy môn Tin học(kiểm nhiệm), có 01 phòng máy với 14 máy vi tính.

- Thời lượng: Học sinh lớp 3, 4 học Tin học 1 tiết/tuần; lớp 5 học Tin học 2 tiết/tuần

3. Công tác triển khai chuyển đổi số, thí điểm triển khai Học bạ số

Đối với việc triển khai chuyển đổi số, giáo dục kỹ năng công dân số Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết, điều hành công việc. Ứng dụng các thành tựu của công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, chỉ đạo, đặc biệt là nâng cao hiệu quả việc sử dụng hộp thư trường. Đẩy mạnh hoạt động, cập nhật thông tin kịp thời, đa dạng, phong phú về nội dung và hình thức thông tin trên hộp thư trường và các hộp thư cá nhân.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức của viên chức, người lao động về chính quyền số, chuyển đổi số.

- Phát huy vai trò của lãnh đạo nhà trường, công đoàn, đoàn thanh niên trong việc hỗ trợ viên chức, người lao động thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số.

- Thúc đẩy phát triển chuyển đổi số trong cơ sở giáo dục; Đẩy mạnh công tác sử dụng dịch vụ công trực tuyến; Tăng cường ứng dụng chữ ký số.

- Khai thác hiệu quả các hệ thống thông tin quản lý, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ tốt công tác quản lý của đơn vị. GV thực hiện các nội dung quản lý, đánh giá học sinh trên CSDL; báo cáo kết quả hoạt động giảng dạy, giáo dục trên hệ thống cơ sở dữ liệu; tham gia sinh hoạt, hội họp qua Google Meet... khi cần thiết.

- Thực hiện các dịch vụ công phục vụ học sinh, phụ huynh học sinh như khoản thu không sử dụng tiền mặt, sử dụng hóa đơn điện tử.

4. Tổ chức dạy học nội dung giáo dục địa phương theo Chương trình GDPT 2018 Nhà trường đã tổ chức triển khai thực hiện nội dung giáo dục địa phương, gồm những vấn đề cơ bản, mang tính thời sự về văn hóa, lịch sử, địa lí, kinh tế, xã hội, môi trường, hướng nghiệp của địa phương nhằm trang bị cho học sinh những hiểu biết về nơi sinh sống, bồi dưỡng cho học sinh tình yêu quê hương, có trách nhiệm với cộng đồng, biết trân quý và phát huy văn hóa truyền thống quê hương, phát triển năng lực và phẩm chất, ý thức tìm hiểu và vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn của địa phương. Các nội dung giáo dục địa phương thực hiện theo tài liệu hướng dẫn và được tích hợp với hoạt động trải nghiệm của trường. Ngoài các hoạt động dạy học lịch sử địa phương tại lớp học, nhà trường tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động “về nguồn” nhân ngày Kỷ niệm 22/12.

5. Nâng cao hiệu quả việc đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và phương pháp, hình thức đánh giá

a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học - Giáo viên tích cực thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, tích cực ứng dụng công nghệ thông tin, quan tâm phát hiện và biết bồi dưỡng những học sinh có năng khiếu, đồng thời có kế hoạch và biện pháp phụ đạo các học sinh còn hạn chế về học tập.

- 100% giáo viên thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học.

- Các tổ chuyên môn xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục; Giáo viên thực hiện soạn bài theo hướng dẫn phụ lục III, công văn 2345/BGD-ĐT.

- Nhà trường đẩy mạnh việc thực hiện quyền tự chủ của giáo viên trong lựa chọn các chủ đề, rà soát nội dung các bài học trong sách giáo khoa hiện hành tương ứng để sắp xếp lại thành một số bài học tích hợp của từng môn học hoặc liên môn; xây dựng kế hoạch giáo dục cho từng môn học, hoạt động giáo dục theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn định kỳ, kết hợp sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề và sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học. Nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn tập trung giải quyết các vấn đề: Dạy học phát triển năng lực; nghiên cứu bài học; dự giờ, thăm lớp, rút kinh nghiệm trong tổ; triển khai các nội dung chuyên môn mới; theo dõi ghi nhận sự tiến bộ của học sinh, đưa ra các biện pháp giúp đỡ học sinh còn hạn chế về học tập; đề xuất các biện pháp rèn phẩm chất, năng lực học sinh; tổ chức các chuyên đề đi sâu đổi mới phương pháp dạy học, các kỹ thuật dạy học.

- Phối hợp nhiều phương pháp dạy học nhằm phát huy năng lực học tập của học sinh. b) Nâng cao hiệu quả các phương pháp và hình thức đánh giá

- Tuyên truyền các văn bản hướng dẫn việc đánh giá học sinh cho giáo viên và cha mẹ học sinh.

- Thực hiện đánh giá theo hướng động viên, khuyến khích, ghi nhận sự tiến bộ hằng ngày của từng học sinh, giúp học sinh cảm thấy tự tin và vui thích với các hoạt động học tập, không so sánh học sinh này với học sinh khác; đồng thời giúp giáo viên hiểu rõ mục đích của việc đánh giá thường xuyên bằng nhận xét là: chủ yếu nhận xét, hướng dẫn trực tiếp để hỗ trợ học sinh vượt qua khó khăn trong các giờ học và hoạt động giáo dục. Các đơn vị thực hiện đánh giá học sinh trên phần mềm CSDL nhằm giảm nhẹ sức lao động của giáo viên.

- Tổ chức xây dựng đề kiểm tra định kỳ phù hợp với yêu cầu chuẩn kiến thức kỹ năng, nội dung dạy học ở từng giai đoạn học tập của học sinh. Bài kiểm tra kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận, nội dung bài kiểm tra kết hợp giữa kiến thức đã học trong nhà trường và những nội dung vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn cuộc sống; theo các mức độ yêu cầu: nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao.

- Đảm bảo trong các hoạt động dạy môn học và hoạt động giáo dục đều được đánh giá.

Nơi nhận;

- Trang Website;
- Bảng tin
- Lưu: Vt.

Gia Nghĩa, ngày 02 tháng 6 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Văn Hương